| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN YÊN BÌNH**<br>**TỈNH YÊN BÁI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2019
*V/v: "Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lê Thị Thanh Nga

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Phùng Xuân Thường

2.Ông Đinh Xuân Trường

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Kim Thao - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình*** *tham gia phiên toà:* Không.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về: *Ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX - ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 và thông báo mở lại phiên tòa số:13/TB-TA ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Hồng L – Sinh năm 1973. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H– Sinh năm 1974. Có mặt

Cùng cư trú: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - Chị Phạm Thị Hồng L trình bày*:

*Về hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11-3-1996 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 - 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H có uống rượu về đánh đập và xúc phạm chị. Hai bên đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

*Về nuôi con chung:* Chị xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hồng N, sinh năm 1997 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 08/4/2001. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về chia tài sản và nợ chung:* Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn - anh Nguyễn Văn H trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh thừa nhận về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như chị L đã trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12 -2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong sinh hoạt gia đình, hai bên có xảy ra xô xát, anh có đánh chị L nên chị L bỏ nhà đi Hà Nội. Mặt khác, anh có nghi ngờ chị L có quan hệ với người đàn ông khác, nhiều lần anh khuyên chị L quay về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L kiên quyết không về nhà. Đến nay, anh xác định tình cảm với chị L vẫn còn, không nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Về nuôi con chung:* Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày là đúng. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về chia tài sản và nợ chung:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn - anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 11-3-1996. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lvà anh H đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, có xảy ra xô xát, hai bên không tin tưởng nhau. Mặc dù, anh H không nhất trí ly hôn nhưng anh H cũng không đưa ra được biện pháp tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L là chính đáng và có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Phạm Thị Hồng L được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị L và anh H đều xác nhận vợ chồng có hai con chung, hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về chia tài sản, nợ chung:* Chị L và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Phạm Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị Hồng L được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0003041 ngày 23-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình (Chị L đã nộp đủ án phí ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THA dân sự huyện Yên Bình;
- Các đ- ơng sự;
- UBND thị trấn Y, huyện Y ;
- L- u HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Lê Thị Thanh Nga**